

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT  
GOOD GOODS**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU  
THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT GOOD GOODS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOOD GOODS PRODUCTION AND  
TRADING IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109113403

**3. Ngày thành lập:** 05/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 17, ngõ 61 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà  
Nội, Việt Nam

Điện thoại: 094 6732662

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                             | 1010        |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                     | 1020        |
| 3.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                | 1030        |
| 4.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                             | 1040        |
| 5.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                         | 1050        |
| 6.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                         | 1073        |
| 7.  | Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                | 1074        |
| 8.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                       | 1075        |
| 9.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                              | 4631        |
| 10. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                          | 4632        |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                            | 4633        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                          | 4649        |
| 13. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                      | 4620        |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                         | 4610        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                           | 4690        |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                        | 4711        |
| 17. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                           | 4721        |
| 18. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4722        |
| 19. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                              | 4723        |
| 20. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                            | 3830        |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; | 4663        |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                         | 4662        |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                 | 5210        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh -Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa: Điều 16 nghị định 187/2013/NĐ-CP                                | 8299(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN PHÚC | Số 99 đường Đệ Tứ, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     | 036079008014                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM HỒNG MINH  | Tổ 2, Khu Minh Hòa, Phường Cẩm Bình, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 450.000    | 4.500.000.000         | 45,000    | 022094004339                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 450.000    | 4.500.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |            |                                                                                       |                           |         |               |        |              |
|---|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | VŨ THỊ NGÀ | Số 44 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500.000 | 5.000.000.000 | 50,000 | 030184011353 |
|   |            |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                       | Tổng số                   | 500.000 | 5.000.000.000 | 50,000 |              |
|   |            |                                                                                       |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM HỒNG MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/12/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 022094004339

Ngày cấp: 06/11/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, Khu Minh Hòa, Phường Cẩm Bình, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 2, Khu Minh Hòa, Phường Cẩm Bình, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội